

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Thành Chúng;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Uyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Chau San – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị S, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ 18, ấp PN, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984; Tổ 18, ấp PN, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà S trình bày:

Hôn nhân giữa tôi và ông T xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 17/7/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T đam mê cờ bạc và có chung sống với người phụ nữ khác. Mặc dù tôi đã nhiều lần khuyên can nhưng không sửa đổi. Hiện cả hai không còn chung sống từ cuối năm 2020 đến nay, thời gian không chung sống cả hai không liên lạc với nhau. Nay xin ly hôn.

Con chung: Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 23/02/2005 và Nguyễn Chí K, sinh ngày 28/12/2020 đang sống cùng mẹ. Ly hôn yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà S.

Cháu Nguyễn Thị Thúy L có văn bản trình bày ý kiến: Cháu là con của ông T và bà S, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tòa án đã tổ chức hoà giải để các đương sự hàn gắn lại tình cảm gia đình, tuy nhiên do ông T vắng mặt và bà S có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với lý do tình cảm vợ chồng không còn nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ bà S không bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện, không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới; ông T vắng mặt.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú của ông T, được Công an xã P cung cấp hiện nay ông T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương theo tang thư do Công an xã lưu trữ. Về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như tình trạng hôn nhân được chính quyền địa phương cung cấp thông tin không nắm rõ.

Tại phiên tòa, bà S có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn bảo lưu ý kiến. Ông T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa ông T và bà S có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S.

- Về con chung: Cháu L có nguyện vọng muốn sống chung với bà S. Cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý sau này được tốt và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà S và con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, giao cháu L và cháu K lại cho bà được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Văn T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về việc vắng mặt của đương sự: Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà S và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của bà S thì thấy: Trong đời sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn, ông T không làm tròn nghĩa vụ với gia đình; thời gian không còn chung sống đã lâu nhưng ông T và bà S đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và bà S cương quyết ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

[3] Về con chung: Cháu L có nguyện vọng xin được tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, riêng cháu K đến thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà S và con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L, cháu K cho bà S được tiếp tục nuôi dạy theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà S cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp sau này ông, bà có yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà S được chấp nhận, bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị S và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 23/02/2005 và Nguyễn Chí K, sinh ngày 28/12/2020 đang sống cùng mẹ cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà S cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0006718 ngày 11/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68, cấp ngày 17/7/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã P, AP (1);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Quang Bảo